

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục, tiêu chí, điều kiện và cơ chế, chính sách thu hút nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp và dự án chiến lược trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ **Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026** của Chính phủ quy định phạm vi áp dụng cơ chế, chính sách của Luật Phát triển đô thị đối với thành phố Đồng Nai;

Xét **Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026** của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai; **Báo cáo thẩm tra số .../BC-... ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban ...** Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Nghị quyết quy định danh mục, tiêu chí, điều kiện và cơ chế, chính sách thu hút nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp và dự án chiến lược trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định:

a) Danh mục bổ sung các dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp và các dự án chiến lược thực hiện trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

b) Tiêu chí, điều kiện bổ sung đối với nhà đầu tư chiến lược và nguyên tắc xây dựng tiêu chí chấm điểm khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện;

c) Cơ chế, chính sách hỗ trợ thuộc thẩm quyền của Thành phố; trách nhiệm thực hiện cam kết, bồi hoàn ưu đãi, hỗ trợ và cơ chế giám sát nhà đầu tư chiến lược.

2. Các dự án đã thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược tại khoản 1 Điều 36 Luật Phát triển đô thị được áp dụng trực tiếp theo Luật; Nghị

quyết này không làm giảm điều kiện, tiêu chí hoặc quyền, nghĩa vụ đã được Luật quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư đề xuất, đăng ký thực hiện dự án thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trong khu công nghiệp.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức được giao quản lý khu công nghiệp, cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan, tổ chức có liên quan đến chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, triển khai, hỗ trợ và giám sát dự án.

3. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và áp dụng pháp luật

1. Dự án hạ tầng khu công nghiệp chiến lược là dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hoặc dự án đầu tư nâng cấp, chuyển đổi, tái cấu trúc hạ tầng khu công nghiệp hiện hữu thuộc Danh mục quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

2. Dự án chiến lược trong khu công nghiệp là dự án đầu tư thứ cấp thực hiện trong khu công nghiệp, có quy mô, công nghệ, mức độ lan tỏa hoặc vai trò dẫn dắt chuỗi sản xuất, cung ứng thuộc Danh mục quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

3. Trong Nghị quyết này, “pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế” được hiểu là Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định này đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện; trường hợp có quy định chuyển tiếp thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp.

4. Trường hợp dự án hoặc nhà đầu tư đồng thời đáp ứng nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thì việc lựa chọn, áp dụng thực hiện theo Luật Phát triển đô thị và pháp luật có liên quan; không tính trùng cùng một khoản chi phí hoặc cùng một nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

5. Đối với khu công nghiệp nằm trong phạm vi khu kinh tế đặc biệt, việc thu hút nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo Chương III Luật Phát triển đô thị và Điều 12 Nghị quyết này.

Điều 4. Nguyên tắc thu hút và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh, bình đẳng, không phân biệt đối xử; phù hợp quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp, yêu cầu quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Ưu tiên dự án có khả năng tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất và giá trị gia tăng trên đơn vị đất công nghiệp; phát triển công nghiệp công nghệ cao, xanh, sinh thái, thông minh; hình thành chuỗi cung ứng, trung tâm R&D, đổi mới sáng tạo và logistics gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng biển và các hành lang giao thông chiến lược.

3. Việc công nhận, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược không thay thế việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường, điều kiện đầu tư kinh doanh, quy định về đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cạnh tranh và pháp luật chuyên ngành.

Điều 5. Danh mục bổ sung dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trong khu công nghiệp

1. Dự án hạ tầng khu công nghiệp:

a) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp hỗ trợ hoặc khu công nghiệp được định hướng phát triển thông minh, có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp có vị trí kết nối trực tiếp hoặc thuận lợi với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng biển, cảng cạn, đường cao tốc, đường sắt hoặc khu logistics tích hợp, có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên và có phương án phát triển hạ tầng đồng bộ, số hóa quản lý, sử dụng hiệu quả năng lượng, nước và tài nguyên;

c) Dự án cải tạo, nâng cấp, chuyển đổi, tái cấu trúc toàn bộ hoặc một phần khu công nghiệp hiện hữu để hình thành khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp hỗ trợ hoặc nâng cấp đồng bộ hạ tầng xanh, hạ tầng số, hạ tầng môi trường, có quy mô vốn đầu tư bổ sung từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án hạ tầng dùng chung trong khu công nghiệp về năng lượng sạch, lưu trữ năng lượng, lưới điện thông minh, tái sử dụng nước, xử lý nước thải - chất thải, hạ tầng số, trung tâm dữ liệu dùng chung, logistics nội khu hoặc cộng sinh công nghiệp có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

2. Dự án chiến lược thực hiện trong khu công nghiệp, trong trường hợp chưa thuộc Danh mục quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Phát triển đô thị:

a) Dự án công nghiệp hàng không, sản xuất thiết bị, linh kiện, vật liệu phục vụ hàng không; trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định, thử nghiệm kỹ thuật hàng không và dịch vụ kỹ thuật công nghiệp gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án sản xuất thiết bị, vật liệu, hóa chất chuyên dụng, đóng gói, kiểm thử và công nghiệp hỗ trợ cho bán dẫn, vi mạch, điện tử công nghệ cao; robot, tự

động hóa, cơ khí chính xác, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị y tế công nghệ cao, công nghệ sinh học công nghiệp, có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng trí tuệ nhân tạo, nền tảng số công nghiệp hoặc hạ tầng số trọng yếu phục vụ hệ sinh thái sản xuất trong khu công nghiệp có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án trung tâm logistics, cảng cạn, trung tâm phân phối hoặc logistics hàng không trong khu công nghiệp, có kết nối trực tiếp với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng biển hoặc hành lang vận tải đa phương thức, có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Dự án sản xuất công nghệ cao, công nghệ chiến lược hoặc dự án chế biến, chế tạo tiên tiến khác có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên, đồng thời có khả năng hình thành hoặc dẫn dắt chuỗi sản xuất, cung ứng, thu hút các dự án vệ tinh hoặc tạo năng lực R&D, đổi mới sáng tạo tại Thành phố.

3. Mức vốn đầu tư quy định tại Điều này là tổng vốn đầu tư của dự án theo pháp luật về đầu tư. Đối với dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư, việc xác định quy mô vốn và vốn chủ sở hữu thực hiện theo Điều 36 Luật Phát triển đô thị.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ rà soát, trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung Danh mục khi có thay đổi lớn về quy hoạch, cơ cấu ngành, công nghệ hoặc yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Điều 6. Điều kiện chung của nhà đầu tư chiến lược

1. Đáp ứng đầy đủ điều kiện về vốn chủ sở hữu, huy động vốn, cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và điều kiện khác quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Phát triển đô thị.

2. Không thuộc trường hợp bị cấm hoặc hạn chế tham gia hoạt động đầu tư, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật; không đang trong quá trình giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật.

3. Có báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc tài liệu hợp pháp chứng minh năng lực tài chính; chứng minh khả năng huy động phần vốn ngoài vốn chủ sở hữu phù hợp tiến độ dự án.

4. Có cam kết bằng văn bản về tiến độ, công nghệ, môi trường, đào tạo nhân lực và các nghĩa vụ quy định tại Điều 9 Nghị quyết này.

Điều 7. Tiêu chí, điều kiện bổ sung theo nhóm dự án

1. Đối với dự án hạ tầng khu công nghiệp chiến lược:

a) Nhà đầu tư hoặc công ty mẹ, công ty trong cùng tập đoàn đã trực tiếp đầu tư, quản lý hoặc vận hành ít nhất 01 dự án khu công nghiệp, khu kinh tế, khu

công nghệ cao hoặc tổ hợp công nghiệp - logistics có quy mô vốn đầu tư hoặc diện tích tương đương tối thiểu 50% dự án đề xuất; trường hợp mô hình mới chưa có dự án tương đương, phải chứng minh kinh nghiệm quản lý hạ tầng công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng logistics quy mô lớn;

b) Có phương án quản trị khu công nghiệp số; quản lý năng lượng, nước, chất thải và môi trường theo dữ liệu; kế hoạch thu hút dự án thứ cấp phù hợp định hướng ngành, nghề và nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

c) Đối với dự án chuyển đổi, tái cấu trúc khu công nghiệp hiện hữu, có phương án bảo đảm hoạt động liên tục của doanh nghiệp đang hoạt động, xử lý hạ tầng dùng chung, môi trường, lao động và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên theo pháp luật.

2. Đối với dự án chiến lược trong khu công nghiệp:

a) Nhà đầu tư hoặc công ty mẹ, công ty trong cùng tập đoàn có kinh nghiệm thực hiện, sản xuất, kinh doanh hoặc R&D trong ngành, lĩnh vực tương ứng; trường hợp công nghệ mới, công nghệ chiến lược, có thể chứng minh bằng quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ, bằng độc quyền sáng chế, kết quả R&D, hợp đồng công nghệ hoặc năng lực kỹ thuật tương đương;

b) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ chiến lược hoặc có mức độ tự động hóa, số hóa cao; có phương án quản trị năng lượng, tài nguyên, phát thải và chất thải phù hợp quy định pháp luật;

c) Có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo hoặc liên kết với cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ; việc hợp tác, liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp trong nước được khuyến khích trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không là điều kiện bắt buộc về nội địa hóa.

3. Trường hợp nhà đầu tư là liên danh, thành viên đáp ứng tiêu chí về kinh nghiệm phải trực tiếp thực hiện phần công việc tương ứng và duy trì tỷ lệ góp vốn, trách nhiệm theo cam kết trong suốt thời gian pháp luật yêu cầu.

Điều 8. Khung tiêu chí chấm điểm khi có từ 02 nhà đầu tư chiến lược trở lên

1. Việc chấm điểm thực hiện theo khoản 5 hoặc khoản 6 Điều 36 Luật Phát triển đô thị. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm cụ thể đối với từng dự án trên cơ sở khung tiêu chí tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Tổng điểm là 100 điểm. Tiêu chí chấm điểm phải lượng hóa được, có tài liệu chứng minh, phù hợp tính chất dự án và không tạo lợi thế bất hợp lý cho một nhà đầu tư cụ thể.

3. Các nhóm tiêu chí gồm: năng lực tài chính và huy động vốn; kinh nghiệm; công nghệ, R&D và đổi mới sáng tạo; hiệu quả sử dụng đất, năng lượng,

tài nguyên và môi trường; khả năng kết nối với hệ sinh thái công nghiệp - logistics - hàng không của Đồng Nai; tiến độ, nhân lực và đóng góp hạ tầng, xã hội.

4. Đối với dự án có yêu cầu đặc thù về công nghệ, an ninh, an toàn, môi trường hoặc hạ tầng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được quy định tiêu chí bắt buộc trước khi chấm điểm nhưng không được làm giảm điều kiện tối thiểu tại Điều 36 Luật Phát triển đô thị và Nghị quyết này.

Điều 9. Ưu đãi, hỗ trợ và tạo thuận lợi đối với nhà đầu tư chiến lược

1. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Phát triển đô thị và ưu đãi, hỗ trợ khác theo pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai, khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan khi đáp ứng điều kiện.

2. Trong phạm vi thẩm quyền và khả năng cân đối nguồn lực, giao Ủy ban nhân dân thành phố ưu tiên:

a) Tổ chức đầu mối hỗ trợ, điều phối liên ngành để giải quyết thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, hải quan và thủ tục có liên quan theo đúng thẩm quyền và thời hạn pháp luật;

b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nhân lực; kết nối cơ sở đào tạo, trung tâm R&D, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản phẩm công nghệ cao, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số theo chương trình, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, cung cấp thông tin, kết nối logistics, hải quan, nhà cung cấp, đối tác nghiên cứu và thị trường trên cơ sở tự nguyện và không phân biệt đối xử.

3. Trường hợp cần áp dụng ưu đãi, hỗ trợ khác để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược hoặc trường hợp cần xem xét đầu tư, bố trí hoặc huy động nguồn lực phát triển hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, hạ tầng số, hạ tầng xã hội và công trình công cộng ngoài hàng rào dự án theo quy hoạch, kế hoạch đầu tư công và pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố lập phương án cụ thể, đánh giá tác động, xác định nguồn lực và trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo điểm d khoản 7 Điều 36 Luật Phát triển đô thị và pháp luật có liên quan.

4. Không sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện thay nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khắc phục vi phạm, nghĩa vụ môi trường hoặc nghĩa vụ đầu tư mà nhà đầu tư phải tự thực hiện theo pháp luật và quyết định đầu tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 10. Nghĩa vụ và cam kết bổ sung của nhà đầu tư chiến lược

1. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 8 Điều 36 Luật Phát triển đô thị, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hợp đồng dự án và văn bản có liên quan.

2. Đối với dự án hạ tầng khu công nghiệp, duy trì việc thực hiện các cam kết về hạ tầng xanh, hạ tầng số, bảo vệ môi trường, quản trị thông minh, hiệu quả sử dụng đất và định hướng thu hút ngành nghề trong suốt thời gian dự án được hưởng cơ chế dành cho nhà đầu tư chiến lược.

3. Đối với dự án chiến lược trong khu công nghiệp, thực hiện đúng nội dung cam kết về công nghệ, R&D, nhân lực, môi trường, tiến độ và năng lực sản xuất; bảo đảm việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và theo pháp luật.

4. Cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền để giám sát việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện và cam kết; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin.

Điều 11. Không tiếp tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ; bồi hoàn và xử lý vi phạm

1. Nhà đầu tư chiến lược không còn đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, điều kiện khác hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ, cam kết thì không được tiếp tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo khoản 10 Điều 36 Luật Phát triển đô thị kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền xác định vi phạm, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh theo pháp luật do sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan không xuất phát từ nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm bồi hoàn 100% khoản hỗ trợ bằng tiền hoặc lợi ích vật chất từ ngân sách Thành phố đã nhận mà không còn đủ điều kiện hưởng; việc xác định giá trị phải bồi hoàn, tiền chậm nộp và thu hồi thực hiện theo pháp luật về ngân sách, quản lý thuế, đất đai, quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Việc thu hồi ưu đãi về thuế, đất đai hoặc ưu đãi khác do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

4. Việc chấm dứt dự án, thu hồi quyết định, giấy chứng nhận hoặc xử lý vi phạm khác chỉ thực hiện khi có căn cứ, đúng thẩm quyền và trình tự theo Luật Phát triển đô thị, pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan; không tự động chấm dứt dự án chỉ vì một chỉ tiêu chấm điểm trong quá trình lựa chọn không còn duy trì nếu pháp luật hoặc cam kết không quy định đó là điều kiện phải duy trì.

Điều 12. Dự án trong phạm vi khu kinh tế đặc biệt gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành

Dự án và nhà đầu tư chiến lược đã được lựa chọn trước ngày khu kinh tế đặc biệt được công nhận được tiếp tục thực hiện theo cơ chế chuyển tiếp tại Điều 66 Luật Phát triển đô thị; trường hợp cơ chế của khu kinh tế đặc biệt có lợi hơn thì việc áp dụng thực hiện theo quy định của Luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; ban hành quy định về trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, đề xuất dự án, công bố thông tin dự án, tiếp nhận hồ sơ, phối hợp lựa chọn, hỗ trợ triển khai và giám sát nhà đầu tư chiến lược, bảo đảm không quy định lại hoặc thay đổi thẩm quyền đã được Luật Phát triển đô thị giao trực tiếp cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Rà soát, xây dựng danh mục dự án cụ thể để xúc tiến, kêu gọi đầu tư thuộc các nhóm dự án tại Điều 5; việc công bố thông tin dự án cụ thể không được làm thay đổi Danh mục ưu tiên do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

c) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế giám sát, thu hồi, bồi hoàn ưu đãi, hỗ trợ; định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đối với dự án thuộc phạm vi khu công nghiệp; chủ trì rà soát dự án, hỗ trợ nhà đầu tư, theo dõi cam kết, phối hợp các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Các cơ quan quản lý về đầu tư, tài chính, đất đai, xây dựng, môi trường, công thương, khoa học và công nghệ, lao động, hải quan và các cơ quan liên quan phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm về nội dung chuyên ngành.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành **kể từ ngày ... tháng ... năm 2026**.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện; trường hợp có quy định chuyển tiếp thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa ...,
Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
KHUNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM KHI CÓ TỪ 02 NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN
LƯỢC TRỞ LÊN

(Kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)

STT	Nhóm tiêu chí	Điểm tối đa	Nội dung xem xét chủ yếu
1	Năng lực tài chính và huy động vốn	25	Vốn chủ sở hữu vượt mức tối thiểu; khả năng huy động vốn; tính chắc chắn của nguồn vốn; phương án tài chính và khả năng đáp ứng tiến độ.
2	Kinh nghiệm và năng lực triển khai dự án	20	Kinh nghiệm dự án tương tự; quy mô, kết quả vận hành; năng lực tổ chức, quản trị; kinh nghiệm của công ty mẹ/tập đoàn khi pháp luật cho phép chứng minh.
3	Công nghệ, R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	20	Mức độ tiên tiến của công nghệ; hoạt động R&D; sở hữu/quyền sử dụng công nghệ; tự động hóa, số hóa; khả năng hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
4	Hiệu quả sử dụng đất, năng lượng, tài nguyên và môi trường	15	Năng suất, hiệu quả sử dụng đất; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải; tái sử dụng, tái chế chất thải; hệ thống quản lý môi trường.
5	Mức độ liên kết với động lực phát triển đặc thù Đồng Nai	10	Kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng biển, logistics, cao tốc; vai trò dẫn dắt chuỗi cung ứng; khả năng thu hút dự án vệ tinh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.
6	Tiến độ, nhân lực và đóng góp hạ tầng - xã hội	10	Tiến độ sớm hơn yêu cầu; kế hoạch đào tạo nhân lực chất lượng cao; giải pháp nhà ở, hạ tầng xã hội, an toàn; đóng góp hạ tầng dùng chung phù hợp pháp luật.

Ghi chú: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chí thành phần, phương pháp chấm điểm và điểm số cụ thể trong phạm vi điểm tối đa của từng nhóm, phù hợp tính chất từng dự án và bảo đảm nguyên tắc công khai, công bằng theo Điều 36 Luật Phát triển đô thị.